

QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG MỘT SỐ NGÀNH KINH TẾ BIỂN QUAN TRỌNG Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

¹Nguyễn Tác An, ²Huỳnh Phước

¹*Viện Hải dương học, Nha Trang; UBQG IOC Việt Nam*

²*Sở Khoa học Công nghệ Đà Nẵng*

Tóm tắt Căn cứ vào các kết quả tổng quan, phân tích các bài học kinh nghiệm quản lý phát triển kinh tế biển ở trong và ngoài nước, các đặc điểm sinh thái kinh tế vùng biển Đà Nẵng, quan điểm phát triển và quản lý kinh tế biển, hiện trạng quản lý phát triển ở Đà Nẵng, theo nguyên tắc phát triển “không đồng đều”, có chọn lựa mang tính “đột phá”, dự án đã đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ quản lý phát triển một số ngành kinh tế biển quan trọng. Trong giai đoạn hiện nay, theo chúng tôi, chúng ta nên đặc biệt tập trung quản lý và phát triển có hiệu quả một số hoạt động: - Quản lý tổ chức không gian, quy hoạch phát triển vùng biển và vùng ven bờ; - Sinh thái hóa nền kinh tế: quản lý phát triển nền kinh tế biển công nghệ cao, thân thiện với môi trường; - Đề xuất các giải pháp hạn chế, ngăn chặn các căn bệnh cố hữu gắn liền với bộ máy quản lý nhà nước, giảm bớt, khắc phục các khuyết tật của nền kinh tế thị trường, tạo sự phồn vinh thật sự bền vững cho TP. biển Đà Nẵng.

SOLUTION FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT AND MANAGEMENT OF IMPORTANT SECTORS OF MARINE ECONOMY IN DA NANG CITY

¹Nguyen Tac An, ²Huynh Phuoc

¹*Institute of Oceanography, 01 Cauda, Vinh Nguyen, Nha Trang City, Vietnam; IOC National Committee*

²*Department of Science and Technology, Da Nang*

Abstract Based on the experiential lessons of foreign countries, “unbalance development” management principle and selecting approaches of the breakthrough in economic development, the paper discusses on some questions about “solution for management and development of marine economics in Da Nang City”. These solutions are suggested in collaboration with economic experts and managers in Da Nang City. These approaches could become the promotion of the important sectors of marine economy in order to develop comprehensively in the period of next 15- 20 years.

It shouldn't consider significantly the short-term profits for the development of marine economy but it has to note the long-term strategies. However, based on the specific conditions of Da Nang, we should also regard to the benefits of economic development in the

definite periods such as the projects in 2 – 5 years.

First of all, the sectors of marine economy aim to be sustainably developed in Da Nang City in the future. They have more flexibility and improvement of competition capacity, although the economic activities must not produce more and more products. They have to develop with very high speed. These days, we think that to reach these above goals, some following problems should be managed specially: - Management of economic activities and plans for the strategies of development in the marine and coastal regions; - Eco-economic systems: management and development of marine economy based on products with high technological value and environmental friendship; - Suggestion of solutions to limit and against the problems which usually relate to the governmental administration, and to reduce the problems of the market economy for the prosperity of Da Nang City.

I. MỞ ĐẦU

Không có bất cứ một mô hình, một công thức nào là tối ưu cho việc quản lý và phát triển các ngành kinh tế nói chung, ngành kinh tế biển nói riêng cho tất cả các vùng.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý để nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của TP. Đà Nẵng trong phát triển kinh tế biển là một trong những vấn đề có tính “chìa khóa”, cốt lõi nhằm giải quyết, đáp ứng nhu cầu của địa phương trong chiến lược phát triển kinh tế nói chung và kinh tế biển nói riêng.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý phát triển bền vững kinh tế biển hiện nay không chỉ đáp ứng được nhu cầu thực tế của Đà Nẵng mà còn phù hợp với chủ trương phát triển của khu vực miền Trung, của đất nước hiện nay, đặc biệt là khi chúng ta đang triển khai thực hiện nghị quyết về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” (số 09-NQ/TW, ngày 9/2/2007) và Việt Nam đã trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO), khi cả miền Trung đã thống nhất liên kết, hỗ trợ lẫn nhau trên con đường hội nhập tuân theo các quy luật của nền kinh tế thị trường (Website Diễn đàn kinh tế miền Trung, (www.kinhthiemientrung.com.vn)).

II. VAI TRÒ CỦA KINH TẾ BIỂN VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN Ở ĐÀ NẴNG

Nói đến nguồn lợi, kinh tế biển, người ta dùng toàn những con số gây ấn tượng mạnh mẽ như tấn, triệu, tỷ... Trung bình kinh tế biển đóng góp 3 - 5% GDP cho các quốc gia trên thế giới (APEC, 2004), khoảng 15 - 20% GDP cho các nước Nam Á .

Năm 1985, giá trị tổng sản lượng của kinh tế biển trên thế giới là 350 tỷ USD, chiếm 3,5% tổng giá trị sản phẩm thế giới lúc bấy giờ. Dự đoán trong thế kỷ XXI, giá trị tổng sản phẩm biển sẽ đạt khoảng 3.000 tỷ USD, chiếm 15% tổng giá trị kinh tế thế giới. Người ta cho rằng đầu tư vào khai thác biển có tính mạo hiểm lớn, dài hơi, nhưng lãi suất hấp dẫn, lợi nhuận khoảng 21%/năm.

Kinh tế biển Việt Nam có quy mô tương đối nhỏ. Về giá trị tuyệt đối, quy mô kinh tế biển Việt Nam chỉ bằng khoảng 24,3% của Trung Quốc, 14% của Hàn Quốc và 1% của Nhật Bản.

Ở Việt Nam, kinh tế biển chủ yếu là công nghiệp khai thác dầu khí, vận tải biển, nghề cá, nuôi trồng hải sản và du lịch nghỉ dưỡng. Cho đến ngày 31/8/2007, tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam đã khai thác 10,5 triệu tấn dầu thô, thu gom chuyển vào bờ hơn tỷ m³ khí thiên nhiên. Nguồn khí đốt đã phục vụ sản xuất hơn 40% sản lượng điện cả nước, sản xuất 499 nghìn tấn đạm u-rê và hơn 202 nghìn tấn khí hóa lỏng. Nộp ngân sách 39 nghìn tỷ, đạt 66% kế hoạch năm 2007. Ngành du lịch nghỉ dưỡng ở biển chiếm hơn 70%, thu hút hơn 80% du khách nước ngoài. Người ta dự đoán, năm 2010, lượng du khách sẽ đạt khoảng 7 - 8 triệu, doanh thu hơn 2 tỷ USD.

Trong 9 ngành kinh tế biển đang phát triển ở các quốc gia trên thế giới, ở thành phố Đà Nẵng, theo báo cáo của Huỳnh Văn Thanh và cộng sự, (2001) đã có một số ngành phát triển đáng kể. Đó là khai thác, chế biến hải sản, vận tải biển, cảng biển với dịch vụ cơ khí đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, du lịch biển. Cơ cấu kinh tế biển của thành phố Đà Nẵng tương đối đơn giản.

Thực hiện đường lối, chính sách và nghị quyết phát triển kinh tế, kinh tế biển của thành phố Đà Nẵng trong 5 năm qua (2000 - 2005) đã có sự tăng trưởng nhanh và đóng góp tích cực vào tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của thành phố.

Năm 2000, giá trị sản xuất (GTSX) các ngành kinh tế biển (tính theo giá cố định 1994) đạt 1.399,4 tỷ đồng thì năm 2005 giá trị GO đạt 2.171,1 tỷ đồng tăng 55,14% so năm 2000.

Giá trị tăng thêm (VA) năm 2000 mới là 643,8 tỷ đồng (giá so sánh 1994) thì năm 2005 VA đạt 1.013,4 tỷ đồng tăng 57,4% so năm 2000 và chiếm 15,79% GDP toàn thành phố, trong đó giá trị tăng thêm năm 2005 ngành du lịch và dịch vụ du lịch đạt 211,3 tỷ đồng, tăng 48,24% so năm 2000, chiếm 1,9% GDP toàn thành phố (giá thực tế). Giá trị tăng thêm giai đoạn 2000 - 2005 bình quân hàng năm tăng 9,5% trong đó tăng cao là khai thác và nuôi

trồng thủy sản biển tăng 12,08%, công nghiệp đóng sửa tàu thuyền tăng 27,34%, vận tải biển và dịch vụ cảng biển tăng 11,52%.

Kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản và dịch vụ cảng biển, dịch vụ du lịch tại chỗ năm 2002 là 73,391 triệu USD chiếm 29,47% trị giá kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn, năm 2005 là 103,173 triệu USD tăng 40,58% so với năm 2002, chiếm 29,60% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu.

Trong 3 tháng đầu năm 2007, giá trị xuất khẩu tăng trên 21% với nhiều mặt hàng chế biến có giá trị cao hơn, đạt kim ngạch 115 tr. USD. Tổng số vốn đăng ký đầu tư vào các khu du lịch ven biển đã đạt 220 tr. USD, với quy mô các dự án mang tầm cỡ quốc tế. Cơ hội hợp tác phát triển kinh tế với các nước đang được xúc tiến mạnh. Đó là những tín hiệu rất khả quan.

III. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN Ở ĐÀ NẴNG

Nước ta đang trong giai đoạn từng bước hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và pháp luật về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Kể từ khi ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 6 tháng 5 năm 1993 của Bộ Chính trị, "về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển", công tác quản lý tài nguyên - môi trường biển bảo đảm phát triển bền vững đã được thúc đẩy mạnh mẽ hơn. Trong thời gian qua, nhà nước đã ban hành 219 văn bản pháp quy có ảnh hưởng đến việc quản lý phát triển vùng ven biển như: Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2001); Tuyên bố (năm 1977) về lãnh hải, các khu vực gắn liền với lãnh hải, các khu vực kinh tế và thềm lục địa Việt Nam; Tuyên bố (năm 1992) về vạch ranh giới sử dụng cho việc đo bề rộng lãnh hải; Luật biên giới quốc gia; Luật bảo vệ môi trường; Luật đất đai; Luật tài nguyên nước; Luật phát triển và bảo vệ rừng; Luật dầu khí; Luật hàng hải; Luật thủy sản; Luật hải quan... Ngoài ra, còn có các quyết định khác của chính phủ liên quan đến quản lý phát triển vùng ven biển.

Quản lý các ngành kinh tế biển là vấn đề mang tính liên ngành, liên vùng và trên thực tế đã được lồng ghép trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, đến nay nước ta chưa có một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật riêng về vấn đề quản lý tài nguyên - môi trường biển, quản lý phát triển kinh tế biển.

Hệ thống bộ máy quản lý nhà nước liên quan đến biển của Việt Nam hiện nay tổ chức theo nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ. Trong đó quản lý nhà nước về ngành là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ ở Trung ương; còn quản lý theo lãnh thổ là Ủy ban nhân dân

các cấp. Sự kết hợp này được thể hiện rõ ở cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý biển.

Một cách tổng quát, trong những năm qua, quản lý biển đã có những thành tựu, kết quả rất quan trọng:

Các ngành, các địa phương đã tăng cường công tác quy hoạch phát triển các ngành có liên quan đến biển. Các tỉnh ven biển đều đã có quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đã đề xuất định hướng phát triển các ngành, các lĩnh vực về biển.

Quy mô kinh tế biển và vùng ven biển đã tăng lên đáng kể, cơ cấu ngành nghề đã có những thay đổi mang tính phát triển.

Đã có những chuyển biến mới trong đầu tư phát triển và đã có những tác động tích cực trong quá trình chuyển đổi cơ cấu các ngành kinh tế.

Đã hình thành các trung tâm kinh tế để phát triển ra hướng biển Đông.

Đã chú ý tốt hơn các công tác chuẩn bị khai thác và bảo vệ biển, nhất là phát triển khoa học, công nghệ, an ninh quốc phòng trên biển và các giải pháp quản lý thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Với vị thế địa phương có biển, thành phố Đà Nẵng đã không ngừng tập trung phát triển các ngành kinh tế biển và đã hình thành được qui mô kinh tế biển nhất định, góp phần trong tổng thể phát triển chung nền kinh tế thành phố. Trong bối cảnh này các nhà quản lý đều mong muốn xây dựng Đà Nẵng là một thành phố phát triển về biển bền vững trong tương lai.

Trong thời gian qua thành phố Đà Nẵng đã căn cứ vào một số văn bản có tính chiến lược của Trung ương để lãnh đạo, chỉ đạo thúc đẩy quá trình phát triển và cũng đã ban hành một số văn bản quản lý và phát triển kinh tế biển trong phạm vi của địa phương (Huỳnh Phước, 2007).

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển cũng đã bộc lộ một số hạn chế, cần phải quan tâm: Một số tồn tại trong công tác quản lý phát triển ở thành phố Đà Nẵng cũng đã được trao đổi (Huỳnh Văn Thanh, 2004). Đó là:

- Công tác quản lý nhà nước sau quy hoạch còn nhiều bất cập, bên cạnh đó chất lượng xây dựng quy hoạch, kế hoạch chưa cao dẫn đến còn tình trạng quy hoạch không phù hợp với trình độ phát triển, không mang tính hiện đại và lâu dài, quy hoạch treo. Nhiều đề án quy hoạch phải

chỉnh sửa nhiều lần và không khớp nối giữa các quy hoạch làm khó khăn cho công tác quản lý của các cơ quan chức năng nhất là quy hoạch về đất đai, đô thị và nhiều khi gây lãng phí trong đầu tư do quy hoạch này phủ lên quy hoạch khác đã được đầu tư. Công tác quản lý nhà nước về đất đai sau quy hoạch còn nhiều sai sót, nhiều dự án không được quản lý tốt sau quy hoạch dẫn đến lãng phí tiền của nhân dân và nhà nước.

- Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tuy đã có nhiều tiến bộ nhưng công tác quản lý doanh nghiệp nhất là quản lý về kinh tế vẫn còn nhiều bất cập, nhiều doanh nghiệp nhà nước chưa phát huy vai trò chủ đạo, hoạt động kém hiệu quả. Quản lý doanh nghiệp dân doanh chưa đạt yêu cầu, công tác hậu kiểm sau đăng ký kinh doanh còn nhiều hạn chế.
- Quản lý và sử dụng các nguồn lực còn nhiều bất cập, đầu tư còn dàn trải, hiệu quả đầu tư một số công trình, chương trình chưa cao gây lãng phí.
- Công tác quản lý xây dựng, kiến trúc, quản lý đô thị chưa đáp ứng yêu cầu, chưa phù hợp với một đô thị đang phát triển theo hướng hiện đại văn minh.
- Công tác quản lý và bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập, nhiều chương trình, dự án đầu tư chưa được xem xét kỹ về tác động môi trường dẫn đến những điểm nóng về môi trường nhất là trong các khu công nghiệp gần khu đông dân cư gây ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân. Môi trường Đà Nẵng đang được báo động. Nồng độ các chất ô nhiễm như BOD₅, COD, các muối dinh dưỡng nitơ, photpho, phenol, coliform... đều vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2 đến 10 lần. Đã xuất hiện một số hiện tượng ô nhiễm gây suy giảm chất lượng môi trường toàn cục như dầu tràn (tháng 2-5/2007), cục bộ như cá chết hàng loạt ở ven bờ biển Đà Nẵng, (ngày 28-31/8/2007).
- Tính công khai và minh bạch hóa trong các hoạt động nhà nước đã được cải thiện song còn chậm. Các đơn vị cơ sở và người dân vẫn chưa thực sự được tham gia vào quá trình lập, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, vào công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội.
- Chất lượng của cải cách hành chính chưa cao, một cửa một dấu chưa được thực thi theo đúng yêu cầu, vẫn còn nhiều thủ tục phiền hà khi giải quyết các yêu cầu của công dân và cơ quan đơn vị.

- Đội ngũ công chức viên chưa quán triệt chất lượng công việc, làm việc theo sự vụ hơn là hệ thống công việc theo sự phân công theo chuẩn mực được xác lập và phân công rõ ràng theo chu trình quản lý hành chính. Năng lực chuyên môn và quản lý còn nhiều hạn chế nhất là cán bộ cơ sở, thiếu các chuyên gia đầu ngành, cán bộ có trình độ chuyên môn cao.
- Việc chuẩn bị cho gia nhập WTO đã bộc lộ rõ những điểm yếu kém trong năng lực thực thi chính sách của các chính quyền địa phương, sự yếu kém của hệ thống công chức nhà nước trong xử lý các vấn đề theo chuẩn mực quốc tế.

Nhìn chung, công tác quản lý chưa đủ mạnh, chưa xây dựng và đề xuất đầy đủ các căn cứ có tính chiến lược phục vụ quản lý phát triển. Các quy hoạch phát triển liên quan đến biển chưa được thiết kế cụ thể, thiếu tầm nhìn và thiếu tính hệ thống.

Đặc biệt là công tác quản lý còn yếu kém trong phát triển biển và vùng bờ với cách tiếp cận quản lý đơn ngành, coi trọng lợi ích trước mắt không coi trọng lợi ích lâu dài. Việc khai thác và sử dụng tài nguyên - môi trường biển thiếu khoa học, không hợp lý đã kéo dài trong nhiều thập kỷ của thế kỷ 20 đã tạo ra những nguyên nhân làm cho tài nguyên - môi trường biển bị suy kiệt ở nhiều khu vực trên biển và đại dương. Để duy trì sự tăng trưởng kinh tế quốc gia và cạnh tranh trong khu vực, các quốc gia đang phải đối mặt với một thách thức rất lớn khi đẩy mạnh hiệu lực, sự gắn kết và tính chắc chắn của các chính sách và chiến lược phát triển quốc gia về sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

IV. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN LÀ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẤP BÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Dựa vào những lợi thế tự nhiên lý tưởng, dựa vào cơ hội thuận lợi hiện nay, Đà Nẵng phải có chính sách, giải pháp để tạo ra môi trường văn hóa, xã hội, kinh tế phù hợp với các thông lệ quốc tế, hấp dẫn đầu tư. Đặc biệt Đà Nẵng phải nghiên cứu tận dụng chiến lược “2 hành lang và 1 vành đai” của Trung Quốc: vành đai vịnh Bắc Bộ, hành lang kinh tế Đông Tây (EWEC), hành lang kinh tế Nam Ninh-Singapore, trong đó rất chú trọng đến hợp tác trên biển. Đà Nẵng phải nghiên cứu tận dụng thỏa thuận hợp tác kinh tế thân thiện (CEPA) để đưa hàng hóa vào bờ Đông Trung Quốc... Chú trọng đến vùng Viễn Đông của Nga, Nhật Bản, Đài Loan... Đặc biệt phải chú ý đến các nước trên bán đảo Đông Dương và khu vực Đông Nam Á (Vũ Tiến Lộc, 2007,).

Đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển có nội dung hướng tới các chuyên gia, các nhà quản lý tư vấn làm rõ thêm về mặt lý luận, các bài học kinh nghiệm và hiến kế các giải pháp quản lý phát triển cụ thể.

Trước mắt, phải tập trung vào mấy vấn đề như sau:

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, tăng cường đầu tư phát triển, xây dựng thành phố theo hướng văn minh, hiện đại, có môi trường an toàn.
- Tăng cường công tác thẩm định, đánh giá tác động của các dự án phát triển kinh tế lớn nhằm giảm thiểu tối đa tác động xấu đến môi trường tài nguyên.
- Tổ chức lãnh thổ để nâng cao giá trị tài nguyên vị thế của vùng biển Đà Nẵng nhằm nâng mức đóng góp GDP từ biển tương xứng với tiềm năng tự nhiên.
- Mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh tế đối ngoại.
- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo phát triển công nghệ sạch, ít tổn năng lượng, phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao, khai thác và phát huy các nguồn tài nguyên trí tuệ theo cơ chế thị trường.

V. CÁC QUAN ĐIỂM VỀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN BỀN VỮNG

1. Quan điểm về quản lý

- Quản lý phát triển kinh tế biển là công cụ hỗ trợ tổ chức và điều khiển các hoạt động kinh tế, khai thác, sử dụng, bảo vệ các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên hợp lý, tuân theo quy định của pháp luật.
- Quản lý phát triển kinh tế biển là quản lý nhà nước có nhiều thành phần kinh tế tham gia, là trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, do vậy cần nhanh chóng xây dựng, hoàn thiện các thể chế, chính sách quản lý khoa học, khả thi, thống nhất phù hợp luật pháp trong nước với thông lệ quốc tế. Để thống nhất quản lý phát triển kinh tế biển nhất thiết phải xây dựng và kiện toàn hệ thống tổ chức đủ mạnh.
- Trong công tác quản lý cần có sự thống nhất chỉ đạo về chiến lược cũng như về quy hoạch phát triển kinh tế biển dựa vào các kết quả của công

tác điều tra cơ bản tài nguyên - môi trường và phát triển khoa học và công nghệ biển. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ đầu tư phát triển kinh tế với phát triển khoa học công nghệ và điều tra cơ bản trong từng giai đoạn.

- Phương thức tổ chức quản lý phát triển kinh tế biển phải hợp lý, tinh gọn, tránh dàn trải, lãng phí, chú ý đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại một cách đồng bộ trong các lĩnh vực nhằm nâng cao trình độ năng lực trong hoạt động kinh tế. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực quản lý, nghiên cứu, triển khai, thực hiện có trình độ cao.
- Đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực kinh tế. Phối hợp chặt chẽ có hiệu quả trong công tác quản lý phát triển kinh tế biển giữa các ban, ngành liên quan và các địa phương vùng ven biển và vùng lãnh thổ.
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc phát triển kinh tế biển và quản lý phát triển.
- Quản lý phát triển kinh tế biển ở Đà Nẵng phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam (nghị quyết 09NQ/TW, 2007). Phải có tầm nhìn dài hạn, nhưng phải lưu ý đến các kế hoạch ngắn và trung hạn trong phát triển kinh tế để xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm kinh tế biển, coi kinh tế biển là động lực phát triển và là nền kinh tế hướng ngoại.

Thành ủy Đà Nẵng đã thống nhất về quan điểm chỉ đạo (số 13-Ctr/TU) là xây dựng Đà Nẵng trở thành một trung tâm kinh tế biển có tốc độ phát triển cao, bảo đảm tính bền vững, ưu tiên thu hút mọi nguồn lực đầu tư, phát triển theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, phát triển kinh tế gắn liền với an ninh quốc phòng.

2. Mục đích quản lý phát triển kinh tế biển ở Đà Nẵng

Quan trọng nhất đối với nghệ thuật quản lý thành công là phải xác định cụ thể mục đích và mục tiêu quản lý. Đối với sự phát triển kinh tế biển ở TP. Đà Nẵng, chúng ta phải xác định được cơ sở khoa học sinh thái kinh tế của các ngành kinh tế biển ưu tiên trong 9 ngành kinh tế biển (APEC, 2004), với điều kiện chính trị, tài chính, nhu cầu xã hội, cơ sở tài nguyên, nhân lực, khoa học công nghệ cụ thể, là ngành cảng biển, công nghiệp gắn liền với cảng, ngành dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, nghề cá và khai thác hải sản.

Hiện nay, ở tầm vĩ mô, chúng ta thường thấy có 2 luồng ý kiến về mục đích quản lý phát triển kinh tế: thứ nhất là tạo ra sự tăng trưởng thật cao, thứ hai là quản lý phát triển có chất lượng.

Như vậy, trong phạm vi khu vực, xác định mục đích của phát triển kinh tế biển ở Đà Nẵng sẽ theo định hướng nào trong hai định hướng sau ? Một là làm cho nền kinh tế biển tốt hơn, có năng lực cạnh tranh, có vị thế trong hệ thống cạnh tranh. Hai là tập trung phát triển để đem lại nhiều vật chất hơn, tạo ra tốc độ tăng trưởng thật cao, trong giai đoạn hiện nay. Triển khai thực hiện nghiên cứu dự án “các giải pháp quản lý phát triển kinh tế biển...” có nhiệm vụ làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề quan trọng này.

Bài học kinh nghiệm quản lý phát triển kinh tế của các nước cho thấy, tăng cường tốc độ phát triển cao sẽ tạo ra những sự thay đổi nhanh chóng trong kinh tế, trong xã hội và môi trường. Nhưng hậu quả xã hội và môi trường sẽ rất lớn lao, và thường phải “trả giá” đắt để ổn định tiếp tục phát triển.

Mục đích chính của quản lý kinh tế biển ở thành phố Đà Nẵng là nhằm đạt được sự phát triển bền vững, có tốc độ tăng trưởng hợp lý, nâng cao được năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế.

Cũng như kinh nghiệm ở các nước, Đà Nẵng hướng tới triển khai quản lý phát triển toàn diện nền kinh tế biển một cách năng động với các quyết định hợp lý, trên cơ sở phân tích, cân nhắc, bảo đảm sự cân đối hài hòa trong các hoạt động sử dụng, phát triển và bảo vệ các nguồn lợi, tài nguyên, môi trường và các lợi ích kinh tế của các chủ thể.

Chiến lược quản lý toàn diện ở Đà Nẵng phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế biển dài hạn và ngắn hạn ở Việt Nam. Mục tiêu có tính chiến lược cho đến năm 2020 là tiếp tục phòng chống ô nhiễm, tăng cường bảo vệ đa dạng sinh học, chú trọng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và cải thiện môi trường (Nguyễn Hồng Thao, 2003).

Theo chủ trương của lãnh đạo thành phố Đà Nẵng (số 13-Ctr/TU), mục tiêu cụ thể của quản lý phát triển kinh tế biển đến năm 2020 là:

- Tốc độ tăng trưởng GDP kinh tế biển bình quân thời kỳ 2007-2020 đạt: 15-20%. Trong đó công nghiệp đóng tàu biển tăng 15-20%, các ngành du lịch, dịch vụ biển tăng 20-25%, dịch vụ vận tải tăng 20-25%, khai thác chế biến hải sản tăng 10-15%.
- Tỷ trọng GDP kinh tế biển chiếm từ 14,1% năm 2005 lên 25% vào năm 2010 trong tổng GDP toàn thành phố.

- Hàng hóa thông qua cảng Đà Nẵng đến năm 2020 đạt 12 triệu tấn/năm.
- Doanh thu dịch vụ du lịch biển đến năm 2020 đạt 2.200 tỷ đồng.
- Sản lượng khai thác hải sản đến năm 2020 đạt 50.000 tấn, trong đó sản lượng khai thác xa bờ đạt 30-35.000 tấn. Thu hút nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến đạt 30-40.000 tấn/năm.
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu kinh tế biển đến năm 2020 đạt trên 1 tỷ USD, tăng bình quân 15%/năm.

3. Chức năng, nội dung và nhiệm vụ của công tác quản lý

Theo kinh nghiệm quản lý phát triển của các quốc gia, Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng cần phải xem xét chọn lựa một số vấn đề ưu tiên. Đó là quản lý dân số, quản lý quá trình sử dụng các nguồn lợi, tài nguyên, môi trường biển và vùng biển ven bờ, quản lý những tác động ảnh hưởng đến con người và quản lý hành chính.

Quản lý bùng nổ đô thị hóa vùng ven bờ biển là một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất của các nhiệm vụ triển khai quy hoạch hiện nay.

Đà Nẵng sử dụng vùng bờ biển theo các hướng: sử dụng các nguồn lợi như mặt đất, mặt nước, nghề cá, cảng biển và các ngành công nghiệp gắn liền, khai khoáng...; khai thác sử dụng cơ sở hạ tầng phát triển giao thông hàng hải, công trình bảo vệ đê bờ, công trình phòng thủ quốc gia; sử dụng để du lịch, nghỉ dưỡng, sử dụng để bảo vệ các chức năng sinh thái của đê bờ, để bảo tồn, bảo vệ đa dạng sinh học. Những lĩnh vực kinh tế khai thác sử dụng đê bờ truyền thống và phổ biến hiện nay đều có tiềm năng mâu thuẫn với nhau và gây nguy hại cho tài nguyên môi trường và các vấn đề xã hội ở vùng ven bờ biển (Nguyễn Tác An, 2005; Kay, Alder, 1999).

Quản lý những tác hại đến khả năng sử dụng vùng bờ biển và biển khơi của con người như vấn đề các chất thải, nguy cơ ô nhiễm. Các nguy cơ thiên tai ven bờ như lũ lụt, bão tố, xói lở, triều dâng và những biến động do khí hậu thay đổi toàn cầu... thường xuyên đe dọa. Đây là vấn đề khó quản lý vì từ xưa nay chưa thấy ai chi trả cho "các hoạt động quản lý thiên tai, đền bù những thiệt hại do thiên tai..." (Kay & Alder, 1999). Tất cả đều trông chờ vào các hoạt động từ thiện.

Cuối cùng là quản lý hành chính, là các vấn đề thể chế. Nó bao gồm các vấn đề nảy sinh từ các hoạt động như những mâu thuẫn về mặt luật pháp; thống nhất, phối hợp nhiều thành phần; hợp tác giữa các quốc gia, giữa các vùng; năng lực tổ chức; nhận thức, tham gia của cộng đồng; mạng lưới luật pháp; sở hữu đất đai, mặt nước; thiếu khả năng quy hoạch đa ngành; xung đột giữa các thành phần; thiếu sinh kế để lựa chọn và tính công bằng. Hệ thống pháp luật, quy định và tổ chức của Việt Nam về quản lý, bảo vệ môi trường biển và ven bờ đã được ban hành và ngày càng hoàn thiện nhưng còn phải tiếp tục khắc phục một số tồn tại như còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, chưa thật cụ thể, thiếu các văn bản hướng dẫn thi hành, mâu thuẫn giữa các văn bản của các cấp và có quá nhiều văn bản, quy định, nhưng ít rõ ràng (Nguyễn Hồng Thao, 2003). Nhưng kinh nghiệm và văn bản quản lý phát triển kinh tế còn chưa hoàn thiện.

Chúng ta gặp rất nhiều khó khăn khi thu thập và xử lý thông tin để xác định và đặt thứ tự ưu tiên cho các vấn đề quan trọng trong quản lý, phát triển, đặc biệt khi xem xét các vấn đề như các mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, nhu cầu của dân chúng về hàng hóa và dịch vụ sản xuất trong vùng đới bờ, những hoạt động sử dụng các nguồn lợi từ biển có tính cạnh tranh, thường có xung đột, tác động của tai biến thiên nhiên đối với các hệ sinh thái tự nhiên như xói lở bờ, lũ lụt, bão tố, khô hạn..., những hoạt động tiềm tàng như các cơ hội đầu tư, phát triển của các thành phần tư nhân trong các ngành kinh tế biển như đóng tàu, vận tải biển, cảng biển, du lịch biển.

TÀI LIỆU TRHAM KHẢO

- APEC, 2004. Round Table Discussion on the Economic Valuation of Marine Sector Activities Across APEC Economies. Annex Five, Easter Island, Chile, 18 October 2004, 9 p.
- Huỳnh Phước, 2007. Thể chế, Chính sách quản lý phát triển bền vững kinh tế biển ở thành phố Đà Nẵng. Kỷ yếu hội thảo khoa học về quản lý và phát triển kinh tế Biển Đà Nẵng. Đà Nẵng, ngày 6/4/2007, tr 75-86
- Kay R., Alder J., 1999. Coastal planning and Management. E&FN SPON, London and New York, 75 p.
- Huỳnh Văn Thanh (Chủ trì), 2004. Những giải pháp cơ bản nhằm phát triển bền vững và có hiệu quả kinh tế biển thành phố Đà Nẵng. Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp thành phố, 270 tr. (Tài liệu chưa công bố).
- Nguyễn Hồng Thao, 2003. Ô nhiễm môi trường biển Việt Nam: Luật pháp và Thực tiễn. NXB "Thống kê", Hà Nội, 270 tr
- Nguyễn Tác An, 2005. Quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Quảng Nam. Báo cáo hội thảo "Áp dụng bước 3, 4, 5 mô hình quản lý tổng hợp đới bờ cho Quảng Nam". Tam Kỳ, tháng 11-2005, 20 tr. (Tài liệu chưa công bố)
- Vũ Tiến Lộc, 2007. Website Diễn đàn kinh tế miền Trung, (www.kinhtemien.trung.com.vn)